

Chơi chữ Nho 儒 trong thơ ca

儒, nho = người có học , học thức

Ngữ căn chữ 儒 (nho) và học nhu

Chữ vũ 雨 trên chữ nhi 而 = 需 nhu = chờ đợi mưa xuống = nhu cầu.

Câu ca dao sau đây tả chân cấu trúc của chữ nhu 需

Lạy trời mưa xuống.

Lấy nước tôi uống.

Lấy ruộng tôi cấy.

Lấy bát cơm đây

Lấy khúc cá kho.

Chữ nhân 人 kê bên chữ nhu 需 = 儒 nho, người có học, học thức, nhu cầu con người như người cần mưa.

Học là học cái đạo lý. Cái đạo lý là cái gốc làm người. Không ai trân trọng nó như phụ nữ Việt qua ca dao.

Chẳng ham ruộng cả ao điền

Chỉ ham cái bút cái nghiên anh đồ.

Đạo lý là lẽ. Học nho thì "tiên học lễ học học văn". Trong buổi giao thời cái vinh hoa sang trọng nhiều người thấy đó. Nhưng phụ nữ lục tỉnh không màng nó, xem nhẹ cảnh tối tăm ban sáng sữa bò. Như ca dao đã nói lại tâm tình đó.

Đèn Sài gòn ngọn xanh ngọn đỏ

Đèn Mỹ Tho ngọn tỏ ngọn lu

Anh về anh học chữ nhu

Chín trăng anh đợi, mười thu em chờ.

“Sài gòn phồn hoa đô hội, nhưng "đèn nhà ai, nhà nấy rạng"; Ai chê thì em chịu, chỉ muốn mình về học chữ nho, gia đình xum vầy trong lúc em có thai, rồi sẽ nuôi mình 10 năm ăn học”.

Nói tới học trò thì phải nhắc đến nhà nông: Nhất sĩ nhì nông, hết gạo học trò chạy rong, nhất nông nhì sĩ. Nhà nông là quảng đại quần chúng, là dân gian. Thừa xưa dân miền Nam dù ít người biết chữ Nho, chữ Quốc Ngữ (chữ viết ngày nay) nhưng hầu hết đều ít nhiều biết thơ Lục Vân Tiên, Kim Vân Kiều, truyện Tam Quốc, Thủy Hử, Phạm Công Cúc Hoa, Đông Châu, Ông Tề , Hán Sở ...Nhị Thập

Tứ Hiếu.... *Kiến nghĩa bất vi, phi đồng giả*... Những câu như thế là đầu môi chén rượu hầu hết trai làng miền Nam. Thành ngữ “*biết thì thừa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe*” đã nói lên đời sống tinh thần của dân gian, xã hội miền nam xưa kia. Sau mùa cấy, tía má ít việc đồng áng, trẻ con thường đứng, ngồi dựa cột nhà để nghe ông bà ngâm thơ Lục Vân Tiên, kể truyện Khổng Minh thiết chiến quần Ngô hay sự tích ngày trùng ngũ, tiết hàn thực...

Nhân bất học bất tri lý. Cái học của dân gian là học qua truyện kể. Đối với quần chúng bình dân đạo Nho là đạo lý làm người. Không hẳn là đạo Khổng, hay Nho giáo của nước Tàu, hay của vua chúa, quan lại, khoa bản Việt Nam. Hương sư Cu trong tiểu thuyết "Con Nhà Nghèo" của Hồ Biểu Chánh là biểu tượng tinh thần của đạo Nho trong lòng người nông dân Việt.

Nói quá xa đà. Xin trở lại đầu đề là "chơi chữ nho trong thơ ca" .

Chơi chữ Nho 儒 trong thơ ca

*Cảo thơm lân dờ trước đèn
Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh
(Đoạn Trường Tân Thanh)*

Phạm Đình Trọng (-1754) và Nguyễn Hữu Cầu (-1751)

Cầu và Trọng cùng học một thầy. Hai người đã xung khắc từ lúc đồng song. Sau cầu khởi nghĩa đồ vương. Trinh Doanh sai Hoàng Ngũ Phúc và Trọng mang quân chinh phạt.

Phạm Đình Trọng

Thổ 土 triệt bán hoành, thuận giả thượng 上, nghịch giả hạ 下.

(Chữ thổ (đất, thổ phi) mà mất một nửa nét ngang, đọc thuận thì thượng, trên (sống) đọc ngược thì hạ, dưới (chết)).

Nguyễn Hữu Cầu đối lại:

Ngọc 玉 tàng nhất điểm, xuất vi chúa 主, nhập vi vương 王

(Chữ ngọc thì có ấn một chấm, đưa ra làm chúa (vua chúa), cho vào thì vương (đế vương))

Cao Bá Quát (1808-1855)

**một chiếc cùm liêm chân có đế 帝 (hoàng đế),
ba vòng xích sắt bước thì vương 王 (chúa vương)**

Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585)

Sám Trạng Trình

Trời tà ngã bóng sân chùa

một nhà bảy miệng ăn vừa thì thôi

嘉隆, 明命, 紹治, 嗣德

Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, và Tự Đức có 7 chữ khẩu, miệng. Đời Tự Đức đã nhiều loạn lạc, sau đó thì 3 tháng 4 vua (Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc, Hàm Nghi) nhà Nguyễn suy bại. Ứng với câu sám, nhà Nguyễn sau khi phá thành cũ Thăng Long chỉ khảm khá được có 4 đời.

Hồ Xuân Hương (1739-1759?-?)

Duyên thiên 天 chưa thấy, nhô đầu dọc

Phận liễu 柳, 了, sau đà nảy nét ngang

(trích trong *không chồng mà chữa*)

天 thiên, có thêm đầu ra 夫, chồng

了 liễu, thêm nét ngang ra 子, con

柳, 了= đọc liễu, 柳, cây liễu, chỉ con gái

Dịch nôm na như vậy:

Chồng đâu không thú không cheo

Còn thân con gái mà đèo bụng con (NM TQT)

Không chồng mà chữa mới ngoan,

Có chồng có chữa thế gian sự thường

Ca dao

Thạch nhũ 乳, trần bì 皮 sao 炒 để lại

Qui thân 身, liên nhục 肉 tẩm 寢 mang đi

(Trích từ **Chọc bà hàng thuốc Bắc khóc chồng**)

乳 nhũ=Vú, 皮 bì=da, 身 thân= thân mình, 肉 nhục=thịt

Thạch nhũ, trần bì, đang qui, liên nhục= 4 trong nhiều vị thuốc Bắc.

歸, qui , đang qui đầu 當歸頭, vị thuốc Bắc, dạng như củ khoai từ, nhiều u, mùi thơm

龜, qui= con rùa, 龜頭, qui đầu= đầu cu

Dịch thơ toạt móng heo như vậy, đọc qua xin đừng ngẫm... mà lậ.

Vú trắng, da trần, dây sao lại

Củ qui, cục thịt ấy chôn đi (NM TQT)

Nguyễn Du (1766–1820)

Sè sè nằm đất 土 bên đàng 里

Giàu giàu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh

(Kiều)

土 đứng bên 里 = 埋 , mai (Chôn cất), nói mộ Đạm Tiên

Cỏ 艸 thom xanh tận chân trời 日

Thiếu quang 韶光 chín chục đã ngoài sáu mươi

春, Xuân : Ba chữ thảo chụp lại (nhiều cỏ) trên chữ Nhật mặt trời, thiếu quang.
Câu trên: nhiều cỏ và mặt trời = xuân, câu dưới: thiếu quang, mặt trời mùa xuân.
Chỉ mùa xuân.

Sập sè én liệng lâu không

Cỏ lan mặt đất, rêu phong dấu giày

Câu đầu: Chữ liệng (寥 lục) dưới chữ lâu không (→ miên) thành chữ liêu 寥

Ý 2 câu: Tả cảnh tịch liêu không hư.

Nguyễn Công Trứ (1778-1858)

Thị 市 tại Môn 門 tiền náo 鬧 (chợ ở trước cửa thi ồn)

Nguyệt 月 lai môn 門 hạ nhàn 閒 (trăng đến ngồi dưới cửa thi nhàn)

Người nhân 人 thế 世 muốn nhàn sao được (người (nhân) và đời (thế) nhập lại
đâu có ra nhàn)

Đoàn Thị Điểm (1705-1748) và Đoàn Doãn Luân (1703-1735)

Lòng 心 nảo thân buồn 悶 khi tựa cửa 門

Miếng hài nhì chờ bữa mớm cơm

(Chinh Phụ Ngâm, Đoàn Thị Điểm diễn nom, nguyên tác Đặng Trần Côn)

Da trắng vỏ bì 皮(da) bạch 白(trắng)

Đoàn Thị Điểm, hay Hồ Xuân Hương

Trời xanh màu thiên 天(trời) thanh 青(xanh)

Vô Danh Thị

Đoàn Doãn Luân

Huynh lai đường thượng tâm song nguyệt.

Anh lại nhà trên tìm hai mặt trăng. Song nguyệt là 2 mặt trăng. 2 chữ Nguyệt 月 ghép lại là chữ Bằng 朋: Bạn bè

Câu đối: Anh trai đến nhà trên tìm người bạn.

Bà Điềm liền đối lại:

Muội đáo song tiền tróc bán phong.

Em đến trước cửa sổ bắt nửa ngọn gió. Bán phong là nửa ngọn gió, hay phân nửa chữ Phong 風 tức là chữ Sắt 虱: con rận. con chí.

Câu đối: Em gái đến trước cửa sổ bắt con chí.

Đôi kính họa mi, nhứt điểm phiên thành lưỡng điểm.

Trước gương vẽ mày, một chấm chép ra hai chấm, nghĩa là một Bà Điềm hóa thành hai bà Điềm. Điểm tên bà còn nghĩa là một chấm.

Lâm trì ngoạn nguyệt, chích luân chuyển tác song luân.

Tới ao xem trăng, một vòng tròn làm ra hai vòng tròn, nghĩa là một anh Luân làm ra 2 anh Luân (bóng ông Luân dưới nước). Luân có nghĩa là vòng tròn.

Khi chị dâu lâm bồn, bà Điềm trong buồn bước ra báo tin anh rằng:

Bán dạ sinh hài 孩, Tý Hợi 亥 nhị thời vị định.

Nửa đêm sanh con, Tý Hợi 2 giờ chưa định

Biết em mình nói chữ, ông Luân đối lại:

Lưỡng tình tương phối 配, Dậu Kỷ 己 song hợp nãi thành.

Hai tình phối hợp, Dậu Kỷ 己 hợp nhau mà thành

子+亥= 孩 ; 酉+己= 配

Sứ Tàu trên đường đến Thăng Long, dọc đường có gặp Bà Điềm. Thấy bà mục thanh, mày tú, yếu điệu đoan trang mới khẩu với nhau:

Nam bang nhất thốn thổ, bất tri kỷ nhân canh.

Một tấc đất nước Nam, không biết bao nhiêu người cày

Bà Điềm thoáng nghe qua liền đáp lại ngay:

Bắc quốc chư đại phu, giai do thử đồ xuất.

Các đại phu nước Bắc đều bởi chỗ đó mà ra

Sứ Tàu kinh hải không ngờ một dân nữ An Nam mà mẫn tiệp giỏi chữ như vậy. Thật ra đó là duyên vận hạnh của sứ Tàu mới được gặp Bà đối văn.

Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm (1875 - 1929)

Quan chủ khảo thấy Nguyễn Văn Cẩm còn con nít (7 tuổi) mà đã lều chông, bèn ra câu đối thử tài.

Đứng giữa làng Trung 中 (giữa) Lập(立, đứng) .

Ông đối ngay:

Đáy trước phủ Tiên(先, trước) Hưng (興, đáy, dấy).

Các quan tám tác khen hay, ra câu nữa:

Khổng môn truyền đạo chư hiền, Tăng tử, Tử tư, Mạnh tử

Ông đối:

Chu thất khai cơ liệt thánh, Thái vương, Vương quý, Văn vương.

- *Mấy người hiền truyền đạo lý đức Khổng, có Tăng tử, Tử tư, Mạnh tử.*
- *Các ông thánh mở cơ nghiệp nhà Chu, có Thái vương, Vương quý, Văn vương.*

Câu đối dùng ba chữ Tử, mà trong tên Tử tư chữ Tử ở trước. Còn tên Nhan tử, Mạnh tử hai chữ Tử đều ở sau.

Ông đối lại có ba chữ Vương, Vương quý chữ Vương ở trước. Còn Thái vương, Văn vương, chữ Vương ở sau.

Quan chủ khảo phục tài dân số về kinh. Vua Tự Đức (1829 – 1883) ban cho 5 chữ Đồng tử hữu Kỳ tài. Từ đó ông được người đời gọi là Kỳ Đồng.

Nguyễn Quỳnh (1677–1748), đỗ hương cống nên thường gọi là Cống Quỳnh

Thầy ra câu đối :

"Thằng quỷ 鬼 ôm cái đầu 斗 đứng cửa khôi 魁 nguyên".

Cống Quỳnh đáp liền :

"Con mộc 木 tựa cây bàng 旁 dòm nhà bảng 榜 nhân".

Đào Duy Từ (1572-1634)

Năm Đinh Mão (1627), chúa Trịnh Tráng Đàng Ngoài mạo thánh chi vua Lê sắc phong Chúa Sãi Đàng Trong và đòi cống hiến xa hoa. Đào Duy Từ bày mưu với Chúa Sãi là tạm nhận để hòa hoãn. Để chờ thời cơ thuận lợi mà từ khước.

Ba năm sau nhân Bắc Hà có nhiều loạn lạc. Sứ Đàng Trong đến Thăng Long với cái mâm 2 đáy. Trên khay có thổ sản Nam Hà dâng chúa Trịnh. Đáy dưới có sắc vua và bài thơ tứ tuyệt.

*Mâu nhi vô dịch
Mịch phi kiến tích
Ái lạc tâm trường
Lực lai tương địch.*

Ngay sau đó sứ thần lặng lẽ trốn về. Không thấy sứ Đàng Trong, chúa Trịnh sinh nghi cho xét và đập vỡ khay. Thấy chỉ vua năm trước và bài thơ. Đọc qua bài thơ không hiểu. Khi trong phủ có người hiểu được bài thơ như giải thích sau đây (dư bất thọ sắc= ta không chịu sắc phong), thì sứ thần đã về đến Đàng trong.

Mâu 矛 nhi vô dịch 予 = 予 (dư)
Mịch 覓 phi kiến 見 tích = 不 (bất)
Ái 愛 lạc tâm 心 trường = 受 (thọ)
Lực 力 lai 來 tương địch. = 勅 (sắc)

Còn tiếp...



Trọng xuân Tân Mão 2011
Nam Mai Trinh Quốc Thuận